

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI LÀNG NGHỀ
DỆT LỤA MÃ CHÂU, HUYỆN DUY XUYỀN,
TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Lê Dân

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấp Luận văn
tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào
ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển của làng nghề hiện nay do những yếu tố khách quan và chủ quan tác động, đã trải qua nhiều bước thăng trầm: Có nhiều làng nghề tồn tại và phát triển mạnh ảnh hưởng tích cực đến kinh tế nông thôn trong khu vực và cả những khu vực lân cận, tạo nên các cụm công nghiệp làng nghề và hình thành sự phân công chuyên môn hoá; Lại có những làng nghề gặp nhiều khó khăn thậm chí bị mai một. Vì vậy, việc thúc đẩy khôi phục và phát triển làng nghề, phát triển nghề truyền thống để làng nghề không bị mai một đi trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết, là việc làm phù hợp với đường lối của Đảng và Nhà nước.

Nằm trong địa phận Quảng Nam, huyện Duy Xuyên là địa phương có đa dạng các làng nghề truyền thống. Theo thống kê, một số nghề như ươm tơ, dệt lụa, dệt vải, dệt chiếu, mây tre, đan lát, gốm đồ... của các làng nghề đã sản xuất ra một khối lượng hàng hóa khá lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước lẫn xuất khẩu. Thời gian gần đây dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, sự biến động phức tạp của giá cả trên thị trường cả trong và ngoài nước nên tình hình sản xuất của các nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu gặp rất nhiều khó khăn. Chính vì lẽ đó, đề tài: **“Một số giải pháp phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam”** với mục đích nhằm tìm ra những nhân tố ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực đến sự phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là cơ sở cho những quyết định quản lý trong việc phát triển các nghề truyền thống tại làng nghề, phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao mức sống cho người dân làng nghề dệt lụa Mã Châu nói riêng, của các làng nghề khác nói chung.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

. Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nghề truyền thống;

. Nghiên cứu lịch sử và tiềm năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu;

. Đánh giá thực trạng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu;

. Xác định những nhân tố ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu;

. Bước đầu đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu của đề tài

- *Phạm vi nghiên cứu*: Làng nghề Mã Châu, thôn Châu Hiệp, Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam. Với sự hạn chế kiến thức của bản thân cũng như thời gian nghiên cứu nên đề tài chỉ tiến hành nghiên cứu thực trạng nghề truyền thống của hộ, cơ sở sản xuất đã và đang tham gia tại làng nghề dệt lụa Mã Châu với những nghề như: trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa, dệt vải, các nghề còn lại được xếp chung vào nhóm hộ, cơ sở sản xuất khác.

Thông tin thu thập từ các hộ, cơ sở sản xuất từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011.

- *Đối tượng nghiên cứu*: Nghề truyền thống và khả năng phát triển nghề truyền thống ở những hộ, cơ sở sản xuất có nghề truyền thống tại làng nghề: trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa, dệt vải và ở những hộ, cơ sở sản xuất có nghề khác.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển các nghề truyền thống tại làng nghề, tôi tiến hành điều tra phỏng vấn chủ hộ, chủ cơ sở sản xuất theo bảng câu hỏi soạn sẵn, phỏng vấn lấy kiến các cán bộ thôn, thị trấn, huyện, sở ban ngành... Số liệu thu thập được phân tích và xử lý số liệu xác định kết quả theo phương pháp thống kê mô tả, crosstabs, phân tích ANOVA, hồi quy Binary logistic dựa trên phần mềm SPSS 16.0.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Những năm qua, các làng nghề truyền thống đã và đang góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Ngành nghề tại làng nghề phát triển, đồng nghĩa với việc đời sống của người dân được cải thiện, tạo được việc làm ổn định với sự phát triển đa dạng của các ngành nghề tại làng nghề.

Thời gian gần đây phần lớn các hộ, cơ sản xuất đã chuyển sang dệt vải hoặc các nghề khác để cầm cự, tuy bước đầu nghề dệt vải được xem là cứu cánh cho làng nghề nhưng thời gian gần đây sự phát triển của nghề này cũng chững lại. Do vậy, việc nghiên cứu sâu hơn về thực trạng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu cũng như phân tích những nhân tố ảnh hưởng là hoàn toàn cấp thiết.

6. Kết cấu của đề tài nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm những nội dung sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển nghề truyền thống

Chương 2: Thực trạng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

Chương 3: Một số giải pháp phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN HỐNG

1.1. Những vấn đề chung về nghề truyền thống và làng nghề truyền thống

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. *Nghề truyền thống*: là nghề được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Nghề truyền thống phải đạt 3 tiêu chí sau: Thứ nhất: đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm; Thứ hai: tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc; Thứ ba:

phải gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

1.1.1.2. *Làng nghề*: “Làng nghề là một thiết chế kinh tế - xã hội ở nông thôn, được cấu thành bởi hai yếu tố làng và nghề, tồn tại trong một không gian địa lý nhất định, trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống bằng nghề thủ công là chính, giữa họ có mối liên kết về kinh tế, xã hội và văn hóa”.

1.1.1.3. *Làng nghề truyền thống*: “Làng nghề truyền thống là làng có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời. Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống. Tuy nhiên, những làng chưa đạt tiêu chí thứ nhất và thứ hai của làng nghề nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo tiêu chí trên thì vẫn được coi là làng nghề truyền thống”.

1.1.1.4. *Làng nghề mới*: là làng có nghề mới được hình thành và phát triển. Nếu chưa đạt chuẩn để công nhận làng nghề CN – TTCN nhưng có từ 15 hộ hay 40 lao động trở lên trong làng cùng làm nghề thì được công nhận là làng nghề mới CN – TTCN để có biện pháp hỗ trợ phát triển ngành nghề.

1.1.1.5. *Cụm công nghiệp làng nghề*: là một hệ thống sản xuất địa phương, được đặc trưng bởi sự tập trung theo địa lý các doanh nghiệp (bao gồm cả hộ gia đình tham gia sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp chính thức có đăng ký thành lập theo luật doanh nghiệp Việt Nam) sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có sự chuyên môn hóa trong cùng một hoạt động hoặc một nhóm các hoạt động hỗ trợ cho nhau. Sự tập trung theo địa lý của các doanh nghiệp đã tạo ra các thể chế thúc đẩy sự hình thành và phát triển các mối quan hệ, sự hợp tác và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng lãnh thổ, đồng thời tạo ra mạng lưới các nhà cung cấp, mạng lưới khách hàng và tạo ra sự đổi mới, các lợi ích chung cho các thành viên trong cùng lãnh thổ.

1.1.2. Đặc điểm của nghề truyền thống

- Phần lớn các nghề truyền thống vẫn tồn tại và lan tỏa rộng

- Làng nghề tồn tại nhưng sản xuất mặt hàng mới
- Tiến hành cải tiến công cụ sản xuất, dùng nguyên vật liệu mới, đa dạng hóa về chủng loại

- Dấu ấn nông nghiệp, nông thôn trong các nghề truyền thống

1.1.3. Phân loại nghề truyền thống

- Theo trình độ kỹ thuật

- Theo tính chất kinh tế

- Theo giá trị sử dụng của các sản phẩm

1.1.4. Tổng quan về làng nghề truyền thống

1.1.4.1. Làng nghề truyền thống ở nước ta

1.1.4.2. Làng nghề truyền thống ở Duy Xuyên

1.1.4.3. Làng nghề dệt lụa Mã Châu

Làng nghề truyền thống trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa Mã Châu có từ khoảng cuối thế kỷ XVI.

Năm 2005 Mã Châu là một trong ba làng nghề được chọn vào năm lễ hội quốc gia với chủ đề: “Quảng Nam – Một điểm đến – Hai di sản”, gắn với sự kiện này chính quyền địa phương đã xây dựng kế hoạch khôi phục lại nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình và du lịch làng nghề truyền thống.

Năm 2010, chuyên biến thị trường trong nước và nước ngoài có chiều hướng thuận lợi với dấu hiệu hồi phục sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã mở ra thời cơ mới cho ngành tơ lụa khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tơ lụa đang tăng lên rất cao thì nguồn cung trong nước cũng như thế giới giảm xuống.

1.2. Nội dung và tiêu chí phát triển nghề truyền thống

1.2.1. Nội dung phát triển nghề truyền thống

1.2.1.1. Khái niệm

- **Phát triển:** là một quá trình tăng tiến về mọi mặt trong một thời kỳ nhất định. Trong đó bao gồm cả sự tăng thêm về quy mô sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế của xã hội.

- **Phát triển nghề truyền thống:** Trên cơ sở lý luận về phát triển và nghề truyền thống, có thể hiểu phát triển nghề truyền thống là sự tăng lên về quy mô, số lượng và người tham gia vào sản xuất, chế biến các sản phẩm của nghề truyền thống và phải đảm bảo được hiệu quả sản xuất, chế biến sản phẩm.

- **Phát triển bền vững:** “Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển gồm: tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường”.

1.2.1.2. Đặc điểm của phát triển nghề truyền thống

- Về kỹ thuật và công nghệ

- Về sản phẩm

- Về lao động

- Về thị trường

- Về hình thức tổ chức sản xuất

1.2.1.3. Nội dung phát triển nghề truyền thống

- Xây dựng thị trường tiêu thụ

- Phát triển đa dạng các hình thức kinh tế

- Lựa chọn công nghệ và tiến bộ kỹ thuật thích hợp

- Quy hoạch mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng

- Tận dụng và nâng cao hiệu quả sản xuất từ các chính sách hỗ trợ

- Chú trọng phát triển nghề và làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch

1.2.1.4. Vai trò của phát triển nghề truyền thống

- Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá

- Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn

- Góp phần thu hút vốn nhàn rỗi, tận dụng thời gian lao động dư thừa, hạn chế di dân tự do

- Góp phần đa dạng hoá kinh tế nông thôn, thúc đẩy quá trình đô thị hoá

- Góp phần cải thiện đời sống nhân dân và góp phần xây dựng nông thôn mới

1.2.2. Tiêu chí phát triển nghề truyền thống

- Khi nghiên cứu sự phát triển của các nghề truyền thống ở hầu hết các địa phương trên cả nước phải dựa trên các mặt: quá trình sản xuất, các thao tác kỹ thuật, kỹ xảo nghề, các tri thức kinh nghiệm dân gian, cơ cấu sản phẩm...

- Việc phát triển các nghề truyền thống còn được đánh giá thông qua việc tổ chức sản xuất, sử dụng nguồn lao động tại chỗ, hiệu quả sản xuất kinh doanh từ thu nhập đem lại tương đối cao của các nghề truyền thống. Bên cạnh đó, cũng phải xét đến những tác động đến môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các nghề truyền thống (bụi, rác thải, nước thải sản xuất, tiếng ồn...).

- Trong kế hoạch đầu tư định hướng cho việc phát triển các nghề truyền thống, ngoài nhu cầu tiêu dùng phục vụ dân sinh, cần phải đẩy mạnh việc sản xuất hàng hóa, phục vụ du lịch, xuất khẩu đối với các mặt hàng này.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề

1.3.1. Nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên

1.3.2. Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội

1.3.3. Nhóm nhân tố chính sách

1.4. Những kinh nghiệm cho phát triển nghề truyền thống

1.4.1. Kinh nghiệm từ Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan

1.4.2. Những bài học kinh nghiệm cho phát triển nghề truyền thống

ở Việt Nam

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG TẠI LÀNG NGHỀ DỆT LỤA MÃ CHÂU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

2.1.1. Chọn mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập số liệu

2.1.2. Kiểm tra dữ liệu trước khi phân tích

2.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng để phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

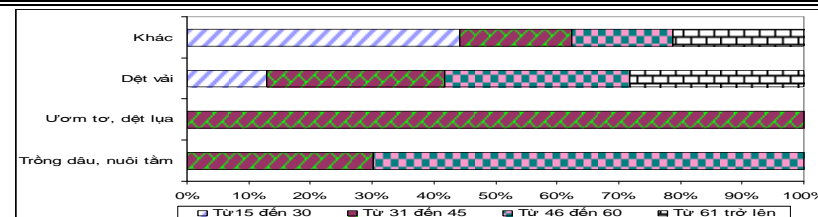
2.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.2.1. Nguồn lực con người

- Tuổi của chủ hộ, cơ sở sản xuất

Bảng 2.1. Tuổi của chủ hộ, cơ sở sản xuất

Chỉ tiêu	Trồng dâu, nuôi tằm		Ươm tơ, dệt lụa		Dệt vải		Khác		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	N	%
Từ 15 đến 30	0	0	0	0	0	0	5	100	5	4,5
Từ 31 đến 45	3	5,3	1	1,8	41	71,9	12	21,1	57	51,8
Từ 46 đến 60	2	5,1	1	2,6	28	71,8	8	20,5	39	35,5
Từ 61 trở lên	0	0	0	0	7	77,8	2	22,2	9	8,2
Tổng	5		2		76		27		110	100

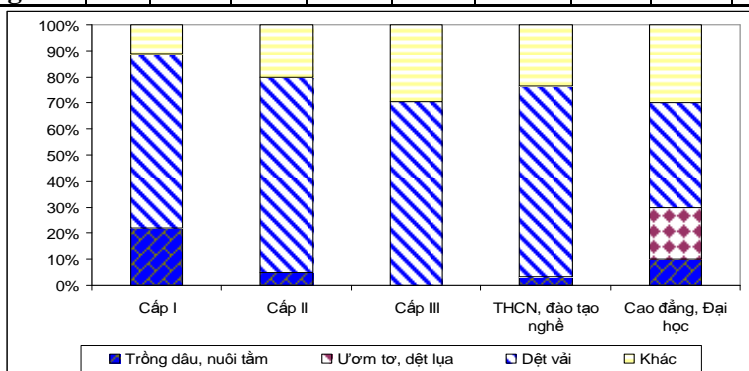


Hình 2.1: Đồ thị tuổi của chủ hộ, cơ sở sản xuất theo nghề

- Trình độ học vấn của chủ hộ, cơ sở sản xuất

Bảng 2.2. Trình độ học vấn của chủ hộ, cơ sở sản xuất

Chỉ tiêu	Trồng dâu, nuôi tằm		Ươm tơ, Dệt lụa		Dệt vải		Khác		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	N	%
Cấp I	2	22,2	0	0	6	66,7	1	11,1	9	8,2
Cấp II	1	5	0	0	15	75	4	20	20	18,2
Cấp III	0	0	0	0	29	70,7	12	29,3	41	37,3
THCN, nghề	1	3,3	0	0	22	73,3	7	23,3	30	27,3
CĐ – ĐH	1	10	2	20	4	40,0	3	30	10	9,1
Tổng	5		2		76		27		110	100

**Hình 2.2: Đồ thị học vấn của chủ hộ, cơ sở sản xuất theo nghề****2.2.2.2. Nguồn lực sản xuất**

- Tình hình đất đai

- Tình hình dân số và lao động

Qua ba năm (2008 -2010) số nhân khẩu đã tăng bình quân 2,01%, đến năm 2010 đã có 2.396 nhân khẩu. Số hộ cũng không ngừng tăng lên năm 2010 có 810 hộ nông dân trên toàn thôn tăng mỗi năm là 19,21%.

Xét về cơ cấu dân số có sự thay đổi là xuất phát từ sự chuyển dịch ngành nghề từ các hộ nông dân trong làng nghề, đó là hộ nông dân đang dần chuyển về làm các nghề truyền thống (trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ, dệt lụa, dệt vải).

Xét về cơ cấu lao động, cũng giống như cơ cấu hộ, cơ cấu khẩu, lao động ngành nghề phi nông nghiệp vẫn chiếm đa số trong lực lượng lao động và ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của hộ, của địa phương.

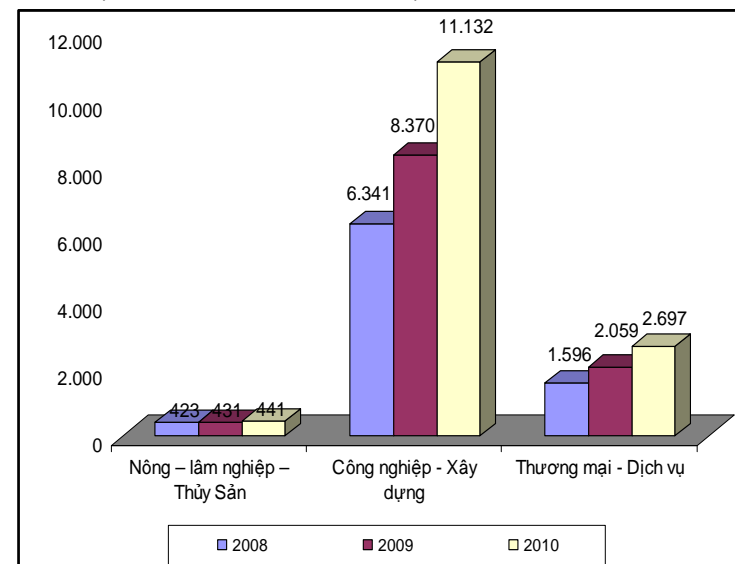
- Vốn sản xuất

Bảng 2.4. Tình hình vốn sản xuất của hộ, cơ sở sản xuất

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Vốn tự có	Vốn vay	Vốn cố định	Vốn lưu động	Tổng vốn
1. Hộ trồng dâu, nuôi tằm	151,03	0	92,08	58,95	151,03
2. Hộ ương tơ, dệt lụa	1.816,75	1.500	2.177	1.139,75	3.316,75
3. Hộ dệt vải	158,52	144,28	214,78	88,02	302,8
4. Hộ khác	107,65	35,82	81,18	62,29	143,47
Tổng cộng	2.233,95	1.680,10	2.565,04	1.349,01	3.914,28

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra

2.2.2.3. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội**Hình 2.5. Đồ thị tổng giá trị sản xuất (GO) giai đoạn 2008 - 2010**

2.2.3. Điều kiện cơ sở hạ tầng

2.3. Thực trạng nghề truyền thống và phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.3.1. Nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.3.1.1. Trồng dâu, nuôi tằm

2.3.1.2. Ươm tơ

2.3.1.3. Dệt lụa

2.3.2. Thực trạng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề

2.3.2.1. Nguyên liệu đầu vào cho các nghề truyền thống

Nguyên liệu chủ yếu cho các nghề truyền thống tại làng nghề hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất của các hộ, cơ sở đặc biệt nguyên liệu cho nghề dệt lụa, dệt vải. Việc phải mua từ bên ngoài giá mỗi kg sợi polyester là 30.000 đồng, giá sợi bông 40.000 đồng còn sợi tơ tằm đến 800.000 đồng, do đó giá thành vải tơ tằm rất cao.

Thực tế nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các nghề truyền thống qua điều tra được cung cấp không chỉ tại làng nghề mà bao gồm từ các làng nghề khác trong tỉnh; các tỉnh khác trong cả nước; và nhập trực tiếp từ nước ngoài.

2.3.2.2. Sản phẩm từ nghề truyền thống

Sản phẩm thu được bao gồm: lá dâu, nhộng, kén tằm, gốc giũ, xác xả, tằm chết, nhộng gãy...;

Các sản phẩm lụa tại làng nghề hiện nay như: Lụa Lu10, Topta, lụa hoa văn.

Các sản phẩm từ dệt vải: làng nghề đã sản xuất được những mặt hàng vải cô – tông, ka – tê, Zún có chất lượng cao.

2.3.2.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm từ nghề truyền thống

Sản phẩm của làng nghề được tiêu thụ chủ yếu ở Hội An, Đà Nẵng, Huế và thành phố Hồ Chí Minh.

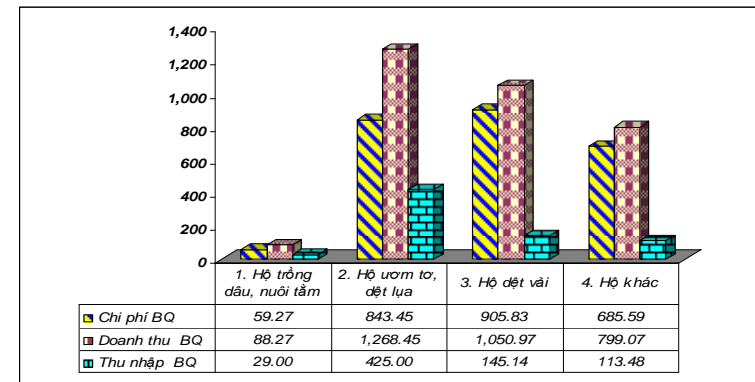
Trong số các mặt hàng lưu niệm cho khách nước ngoài, hàng tơ tằm luôn là mặt hàng có doanh số bán ra cao nhất. Khách Châu Âu thường chọn những mặt hàng dày, còn khách Nhật, Hồng Kông, Singapore thường chọn lụa mỏng.

2.3.2.4. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 2.7. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Chi phí BQ tính cho 1 hộ, CSSX (Tr.đồng)	Thu nhập BQ tính cho 1 hộ, cơ sở sản xuất (Tr.đồng)	TSTN/1 đồng CP của hộ, cơ sở sản xuất (%)
1. Hộ trồng dâu, nuôi tằm	59,27	29,00	48,93
2. Hộ ươm tơ, dệt lụa	843,45	425,00	50,38
3. Hộ dệt vải	905,83	145,14	16,02
4. Hộ khác	685,59	113,48	16,55

Nguồn: Số liệu tổng hợp



Hình 2.9. Đồ thị hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm hộ, cơ sở sản xuất

Tiến hành phân tích ảnh hưởng của nghề hiện tại đến thu nhập của hộ, cơ sở sản xuất tại làng nghề, các giả thuyết được xây dựng như sau:

Giả thuyết H₀: Nghề hiện tại mà hộ, cơ sở sản xuất đang làm có ảnh hưởng như nhau đến thu nhập của hộ, cơ sở sản xuất.

H₁: Ảnh hưởng của nghề mà hộ, cơ sở sản xuất hiện đang làm đến thu nhập của hộ, cơ sở có nghề hiện tại khác nhau là khác nhau.

Sử dụng phân tích phương sai 1 yếu tố ta có kết quả:

Bảng 2.8. Phân tích phương sai 1 yếu tố về ảnh hưởng của nghề hiện tại đến thu nhập của hộ, cơ sở sản xuất

ANOVA

Thu nhập từ ngành nghề					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	244180.215	3	81393.405	4.576	.005
Within Groups	1885448.149	106	17787.247		
Total	2129628.364	109			

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

2.3.2.5. Những tác động đến môi trường tại làng nghề

2.3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.4. Xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.4.1. Ảnh hưởng của các nhân tố định tính đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề

Giả thuyết cho phân tích này bao gồm:

H_0 : không có mối quan hệ giữa: (học vấn, điều kiện tự nhiên, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, kỹ thuật công nghệ, thị trường tiêu thụ) với khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề.

H_1 : có mối quan hệ ảnh hưởng giữa: (học vấn, điều kiện tự nhiên, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, kỹ thuật công nghệ, thị trường tiêu thụ) với khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề.

2.4.1.1. Học vấn

Kết quả kiểm định Chi-bình phương với $Sig. = 0,04 < 0,05$ (mức ý nghĩa 5%), giá trị Chi-bình phương tính toán được là 10,02 cho phép ta bác bỏ giả thuyết cho rằng không có mối quan hệ giữa kỹ thuật công nghệ với khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề.

2.4.1.2. Điều kiện tự nhiên

Kết quả kiểm định Chi-bình phương với $Sig. = 0,043 < 0,05$ (mức ý nghĩa 5%), giá trị Chi-bình phương tính toán được là 4,103 cho phép ta

bác bỏ giả thuyết cho rằng không có mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu.

2.4.1.3. Nguyên liệu đầu vào cho sản xuất

Như vậy, khả năng có thể phát triển nghề truyền thống tại làng nghề cao nhất đối với những hộ, cơ sở sản xuất có nguồn nguyên liệu được cung cấp từ các làng nghề khác trong tỉnh (81,1%), kể đến là tại làng nghề (76,5%), tiếp đến là các tỉnh khác trong nước (60,9%), khả năng này thấp nhất ở những hộ, cơ sở sản xuất phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu được cung cấp từ nước ngoài.

2.4.1.4. Kỹ thuật công nghệ

Những hộ, cơ sở có sử dụng hiện đại thì có khả năng phát triển nghề truyền thống là cao nhất đạt 82,2%; hộ, cơ sở thủ công đạt 66,7%; hộ, cơ sở có kỹ thuật công nghệ vừa thủ công vừa máy móc (bán tự động) đạt 54%. Từ đó có thể kết luận rằng kỹ thuật công nghệ có ảnh hưởng khá lớn đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề.

2.4.1.5. Thị trường tiêu thụ

Kết quả phân tích cho thấy thị trường tiêu thụ cũng có ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu, cụ thể: nếu sản phẩm làm ra xuất khẩu thì khả năng phát triển là hoàn toàn có thể và đạt 62,5%; nếu tiêu thụ trong nước thì khả năng này cũng rất cao đạt 95,7%; nếu tiêu thụ tại làng nghề thì khả năng đạt được là 69,7%; nếu tiêu thụ trong các huyện khác trong địa bàn tỉnh thì khả năng đạt được là 54,3% còn lại nếu tiêu thụ tại gia đình thì khả năng này là thấp nhất chỉ đạt 45,5%.

2.4.2. Vận dụng mô hình hồi quy Binary Logistic phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

2.4.2.1. Giới thiệu mô hình hồi quy Binary logistic

2.4.2.2. Xây dựng mô hình

Mô hình dự kiến cho nghiên cứu của đề tài:

$$\log_e \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 G.T + \beta_2 TU + \beta_3 TLD + \beta_4 VSX + \beta_5 TN + \beta_6 TSTNCP + \beta_7 CS \quad (2.1)$$

Trong đó: G.T: giới tính (biến giả: 1: “Nam”; 0: “Nữ”); TU: tuổi; TLD: tổng lao động; VSX: vốn sản xuất (biến giả: 1: “Vốn đi vay”; 0: “Vốn tự có”); TN: Thu nhập; TSTNCP: tỷ suất thu nhập trên 1 đồng chi phí; CS: chính sách (biến giả: 1: “có nhận được hỗ trợ”; 0: “không nhận được hỗ trợ”).

Như vậy: Mô hình dự kiến gồm 7 biến với hệ số β tương ứng cho từng biến ($\beta_1 \rightarrow \beta_7$), và dấu của hệ số β của các biến độc lập được kỳ vọng như sau: $\beta_2; \beta_3; \beta_5; \beta_6$ sẽ mang dấu dương (+); $\beta_1; \beta_7$ sẽ mang dấu âm (-).

2.4.2.3. Kết quả nghiên cứu

a. Mô hình tối ưu

Kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quát ở bảng 2.15 có mức ý nghĩa với số quan sát Sig. = 0,000 nên an toàn ta có thể bác bỏ giả thuyết H_0 .

$$H_0: \beta_{TLD} = \beta_{VSX} = \beta_{TN} = \beta_{CS} = 0$$

Bảng 2.14. Kết quả kiểm định độ phù hợp tổng quát của mô hình hồi quy

Omnibus Tests of Model Coefficients				
		Chi-square	df	Sig.
Step 1	Step	41.342	4	.000
	Block	41.342	4	.000
	Model	41.342	4	.000

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

Bảng 2.15. Kiểm định Wald ý nghĩa hệ số các biến mô hình hồi quy

		Variables in the Equation						95.0% C.I. for EXP(B)	
		B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)	Lower	Upper
Step 1 ^a	TLD	.930	.277	11.286	1	.001	2.535	1.473	4.361
	VSX	-2.386	.601	15.788	1	.000	.092	.028	.298
	TN	.008	.003	6.595	1	.010	1.008	1.002	1.014
	CS	1.911	.681	7.875	1	.005	6.762	1.780	25.693
	Constant	-3.937	1.341	8.618	1	.003	.020		

a. Variable(s) entered on step 1: TLD, VSX, TN, CS.

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

Bảng 2.15 với các giá trị Sig. của các biến hồi quy đều nhỏ hơn 0,05 rất nhiều, nên mô hình Binary logistic tối ưu:

$$\log_e \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = -3,937 + 0,930TLD - 2,386VSX + 0,008TN + 1,911CS \quad (2.2)$$

b. Mức độ dự báo của mô hình

Tỷ lệ dự đoán đúng của toàn bộ mô hình là 76,4%.

Bảng 2.16. Mức độ dự báo của mô hình hồi quy

		Classification Table ^a				
		Observed		Predicted		Percentage Correct
				Không có khả năng	Có khả năng	
Step 1	Khả năng phát triển nghe truyền thông	Không có khả năng	Có khả năng	20	16	55.6
		Có khả năng		10	64	86.5
Overall Percentage						76.4

a. The cut value is .500

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

c. Diễn dịch ý nghĩa của các biến từ mô hình hồi quy Binary logistic

- Lao động

Kết quả từ hồi quy cho biết khi số lao động nhà của hộ, cơ sở sản xuất được đánh giá là nếu tăng lên thêm 1 lao động với điều kiện ảnh hưởng của các biến còn lại từ mô hình (2.2) không đổi thì \log_e của tỷ lệ xác suất có

khả năng phát triển nghề truyền thống và xác suất không có khả năng phát triển xảy ra sẽ tăng thêm 0,930 đơn vị. Hay xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống ở hộ, cơ sở sản xuất tăng lên 2,535 lần so với những hộ, cơ sở sản xuất không có khả năng phát triển.

- Vốn sản xuất

Kết quả từ mô hình hồi quy tối ưu cho biết so với những hộ, cơ sở sản xuất có vốn sản xuất là vốn tự có thì \log_e của tỷ lệ xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống và xác suất không có khả năng phát triển nghề truyền thống của hộ, cơ sở có vay vốn sản xuất sẽ giảm đi 2,386 lần trong điều kiện ảnh hưởng của các biến còn lại đến khả năng phát triển nghề truyền thống không đổi hay nói cách khác xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống so với xác suất không có khả năng phát triển ở các hộ, cơ sở sản xuất giảm đi 0,092 lần.

- Thu nhập

Thu nhập từ hoạt động trồng dâu, nuôi tằm; ươm tơ, dệt lụa; dệt vải càng cao thì khi thu nhập tăng lên 1 đơn vị tính với điều kiện các biến còn lại trong mô hình (2.2) không đổi thì \log_e của tỷ lệ xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống và xác suất không có khả năng phát triển nghề truyền thống của hộ, cơ sở có thu nhập cao hơn sẽ tăng lên 0,008 lần hay nói khác đi xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống so với xác suất không có khả năng phát triển nghề truyền thống ở hộ, cơ sở sản xuất sẽ tăng lên 1,008 đơn vị (lần) với $\text{Sig.}=0,010<0,05$ rất nhiều nên ảnh hưởng của biến này là hoàn toàn có ý nghĩa về mặt thống kê.

- Chính sách

Kết quả từ mô hình hồi quy Binary logistic cho biết so với những hộ, cơ sở sản xuất không nhận được hỗ trợ từ chính sách của nhà nước, chính quyền địa phương thì \log_e của tỷ lệ xác suất có khả năng phát triển nghề truyền thống và xác suất không có khả năng phát triển nghề truyền thống của hộ, cơ sở có được sự hỗ trợ sẽ tăng lên 1,911 lần trong điều kiện ảnh hưởng của các biến còn lại đến khả năng phát triển nghề truyền thống không đổi hay nói cách khác xác suất có khả năng phát triển so với xác

suất không có khả năng tăng lên 6,762 lần. Qua đó, nhân tố chính sách ảnh hưởng rất mạnh đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề, tuy nhiên thực tế chính sách của nhà nước và chính quyền địa phương là không ít nhưng thực chất đến được tay người sản xuất thì chưa nhiều.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ

TRUYỀN THỐNG TẠI LÀNG NGHỀ DỆT LỤA MÃ CHÂU

3.1. Mục tiêu, định hướng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

3.1.1. Mục tiêu phát triển làng nghề dệt lụa Mã Châu

3.1.2. Định hướng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

3.1.3. Định hướng phát triển làng nghề, nghề truyền thống gắn với du lịch

3.2. Một số giải pháp chủ yếu góp phần phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu

3.2.1. Giải pháp về chính sách

- Chính sách hỗ trợ thông tin thị trường

Cung cấp thường xuyên thông tin thị trường về mức độ biến động của giá cả đầu vào và đầu ra đối với hoạt động sản xuất của hộ, cơ sở sản xuất trên phương tiện phát thanh; website riêng của địa phương qua đó có thể tránh được những rủi ro khi giá cả bất ổn định, biến động về xu hướng tiêu dùng của người tiêu dùng.

- Chính sách khuyến khích sản xuất và hỗ trợ vật tư nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất

Các cấp chính quyền cần có sự phối hợp với nhau một cách hiệu quả và đồng bộ. Về hỗ trợ vật tư nguyên vật liệu đầu vào cho làng nghề như giống dâu năng suất cao, kén tằm, tơ... Do đó, địa phương cần hỗ trợ để hộ, cơ sở có điều kiện thuận lợi trong việc hình thành và phát triển vùng nguyên liệu dâu, tằm; bông, sợi...

- Chính sách hỗ trợ cho vay vốn

+ Nhà nước cần có chính sách cho vay vốn đối với các hộ làm nghề truyền thống ở các LNTT;

+ Đa dạng các hình thức nhằm tăng số lượng và tỷ lệ các hộ ở LNTT được vay vốn;

+ Cải tiến quy trình và thủ tục vay vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất vay vốn. Do vậy, các cơ quan chức năng, ngân hàng chính sách nên có những chính sách đổi mới về điều kiện vay vốn, thủ tục vay, chính sách lãi suất phù hợp đối với các hộ, cơ sở sản xuất làng nghề và các hộ nông dân có nguyện vọng vay để phát triển kinh tế.

- Chính sách thuế

+ Cần có một số khuyến khích nhất định về thuế đối với các sản phẩm cần bảo tồn và giữ gìn, đối với LNTT mới khôi phục, và cả đối với sản phẩm tận dụng nguyên liệu trong nước mà có khả năng xuất khẩu: miễn, giảm thuế, hỗ trợ sản xuất.

+ Công tác tuyên truyền chính sách thuế cần được tăng cường tại các cấp chính quyền: nên xuất bản các tài liệu hướng dẫn đơn giản kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để người dân tiếp cận sâu hơn với các chính sách ưu đãi về thuế.

- Chính sách xây dựng cơ sở hạ tầng

+ Nhà nước chú ý đầu tư phát triển hạ tầng, tạo điều kiện phát triển LNTT. Việc xây dựng đường liên xã, liên thôn và đường điện ở xã cần được tiến hành thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

+ Đối với làng nghề truyền thống hướng phát triển làng nghề gắn với du lịch cần hết sức chú ý công tác xây dựng sao cho phù hợp với cảnh quan, văn hóa làng nghề.

- Chính sách đất đai

Chính sách đất đai đối với phát triển nghề truyền thống tại làng nghề vừa phải tuân thủ luật đất đai, luật chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vừa cần tận dụng các điều kiện thực tế trên cơ sở hiệu quả kinh tế, xã hội. Có thể tận dụng cơ sở vật chất của HTX trước đây, hoặc tận dụng ao hồ, có thể

được sao cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của mình. Cần có sự ưu đãi thuế sử dụng đất đai cho hộ, cơ sở sản xuất nghề truyền thống tại làng nghề.

- Chính sách lao động

Quý khuyến công, khuyến nông, Quỹ đào tạo lao động cần tiếp tục hỗ trợ mở các lớp ngoài việc tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động tại làng nghề để họ có thể sản xuất được những sản phẩm chất lượng tốt hơn, mẫu mã đa dạng hơn, giá thành hạ hơn, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng và nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của làng nghề trên thị trường trong nước cũng như hướng đến xuất khẩu.

- Chính sách chuyển giao công nghệ

Qua điều tra một số hộ, cơ sở sản xuất tại làng nghề dệt lụa Mã Châu, có đến 68% số hộ được hỏi có yêu cầu hoàn thiện chính sách về chuyển giao công nghệ. Sản phẩm của làng nghề gắn liền với các bí quyết và quy trình nghề, được tạo ra chủ yếu bởi đôi bàn tay khéo léo của những nghệ nhân.

Trong cơ chế thị trường hiện nay để có thể cạnh tranh và đứng vững, cần phải áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa máy móc thiết bị tự động thay thế dần cho lao động thủ công. Trung tâm khuyến công, khuyến nông của địa phương cần có những dự án hỗ trợ chi tiết một số máy móc để dệt hoa văn trên lụa, khung dệt lụa Lu10, khung dệt lụa Topta, máy dệt sắt, máy dệt kiểm... cho làng nghề trong phát triển nghề truyền thống.

3.2.2. Giải pháp về điều kiện kinh tế - xã hội

- Lao động

+ Cần có các hoạt động đào tạo, truyền nghề đã có truyền thống từ xưa;

+ Đánh giá đội ngũ nghệ nhân, những người đang truyền nghề tại các làng nghề.

+ Chú trọng mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm và tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

+ Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và phổ biến lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các làng nghề.

- *Vốn sản xuất*

Cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ các hoạt động tín dụng trên địa bàn, như tuyên truyền chính sách vay vốn đến từng hộ gia đình, hỗ trợ cho hoạt động của các tổ cho vay lưu động của các ngân hàng.

- *Thu nhập*

+ Hạ chi phí đến mức thấp nhất;

+ Tạo được sự đa dạng về chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

+ Kết hợp với các loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch từ các nghề truyền thống.

- *Sản phẩm từ ngành nghề*

+ Phát triển các sản phẩm từ nghề truyền thống của làng nghề trên cơ sở kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại;

+ Bảo tồn một số công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, tập trung đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sản xuất trong các làng nghề.

- *Thị trường tiêu thụ:* cần xây dựng theo các kênh tiêu thụ:

+ Tiêu thụ sản phẩm truyền thống tại chỗ thông qua phát triển du lịch;

+ Tiêu thụ tại các showroom trưng bày và giới thiệu sản phẩm;

+ Nhận sản xuất theo đơn đặt hàng;

+ Tiêu thụ qua tư thương;

- *Kỹ thuật công nghệ:* Đổi mới công nghệ thiết bị dần từng bước dựa trên một số nguyên tắc:

+ Công nghệ cũ tỏ ra không thích hợp và sản phẩm sản xuất ra bằng công nghệ cũ này không đủ khả năng cạnh tranh do chất lượng hay giá thành.

+ Công nghệ được lựa chọn phải thích hợp với công nghệ truyền thống hay công nghệ truyền thống phải có khả năng tiếp thu công nghệ mới về trình độ kỹ thuật, quy mô sản xuất và quan trọng là vốn đầu tư.

+ Hiện đại hoá công nghệ truyền thống nhưng phải đảm bảo nguyên tắc sản phẩm sản xuất ra không bị mất đi tính truyền thống, độc đáo của sản phẩm.

+ Hiện đại hoá công nghệ đảm bảo vệ sinh, chống ô nhiễm môi trường.

+ Hiện đại hoá công nghệ lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo.

+ Kết hợp nhiều ngành nghề, nhiều công nghệ trên cùng một sản phẩm.

3.2.3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Chú trọng các chính sách phát triển bền vững cho nghề truyền thống tại làng nghề

- Quy hoạch không gian sản xuất nghề truyền thống gắn với bảo vệ môi trường;

- Tăng cường mạnh mẽ công tác quản lý môi trường tại các hộ, cơ sở sản xuất nghề truyền thống;

- Phát hiện và xử lý trường hợp phát sinh các nghề truyền thống gây ô nhiễm môi trường;

- Tổ chức các lớp đào tạo, trình diễn thử nghiệm áp dụng sản xuất sạch hơn cho các chủ cơ sở sản xuất nghề truyền thống tại làng nghề. Khuyến khích các cơ sở sản xuất xử lý nước thải, khí thải, quản lý môi trường bằng cho vay ưu đãi hoặc giảm thuế.

3.2.4. Giải pháp về phát triển nghề truyền thống gắn với du lịch

- Cần xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm với quy mô nhỏ để trình diễn theo đó, để xem trực tiếp được con tầm phát triển ra làm sao du khách có thể xem trực tiếp trong nhà nuôi đã được cách ly bằng kính tức là xây dựng nhà kính để cho khách tham quan;

- Để cho khách trực tiếp dệt các tấm vải lụa với khung cửi nhỏ, nếu có sai sót có thể bỏ đi;

- Phát triển dịch vụ tại chỗ với các sản phẩm được làm từ nông; từ vải, lụa... trưng bày ở các cửa hàng bán quà lưu niệm cho khách cũng như phát triển dịch vụ ẩm thực tại chỗ bằng việc kết hợp các món ăn chế biến từ nông, tằm... với các món ăn đặc trưng xứ Quảng.

KẾT LUẬN

Dựa trên cơ sở lý luận đã tìm hiểu cùng với việc phân tích thực trạng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu đã phân nào khẳng định được vai trò, vị trí của các nghề truyền thống trong sự phát triển kinh tế làng nghề tại Mã Châu. Qua thực tế điều tra, phân tích xử lý số liệu dựa vào phần mềm SPSS 16.0 đề tài đã đạt được một số thành công nhất định:

- Giúp nắm rõ được một số khái niệm liên quan đến làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Chỉ ra trong ba nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề cho thấy có 5 nhân tố (biến) ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê trong phân tích mô hình hồi quy.

- Xây dựng được mô hình hồi quy tối ưu Binary logistic phản ánh các nhân tố chính ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu.

- Nêu bật lên những thuận lợi và khó khăn chính trong việc phát triển nghề truyền thống tại làng nghề dệt lụa Mã Châu.

- Đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển nghề truyền thống tại làng nghề tập trung bốn nhóm giải pháp chính: giải pháp về chính sách; về điều kiện kinh tế - xã hội; về bảo vệ môi trường và về phát triển làng nghề gắn với du lịch.

Bên cạnh đó, do hạn chế về kiến thức và thời gian nghiên cứu đề tài khó tránh khỏi những hạn chế như:

- Ban đầu kế hoạch nghiên cứu của đề tài là khảo sát bảng câu hỏi điều tra được áp dụng cho hộ, cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp trên địa bàn thôn Châu Hiệp. Tuy nhiên, khi tiếp cận thực tế có nhiều vấn đề khó

khăn cho việc điều tra bảng câu hỏi cho đối tượng nghiên cứu là các doanh nghiệp nên đề tài tập trung vào nghiên cứu hộ, cơ sở sản xuất nên quy mô mẫu có phần thu hẹp lại còn 110 hộ, cơ sở sản xuất được tiến hành phát phiếu điều tra.

- Về phương thức phỏng vấn bảng câu hỏi: phiếu điều tra được phát ra cho chủ hộ, cơ sở sản xuất để điều tra vào thời điểm ban ngày lúc họ đang sản xuất, do tính chất của những hộ, cơ sở dệt phải đứng máy liên tục nên khó tránh khỏi phần nào đó là sự chủ quan trong câu trả lời nhất là những nội dung liên quan đến chi phí, thu nhập.

- Nguồn dữ liệu tốt nhất để định lượng về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là thu nhập, nhưng để làm được điều này là vấn đề rất khó và không khả thi trong việc gợi ý để họ nhớ lại nguồn thu nhập và các yếu tố khác liên quan đến chi phí để xác định chính xác thu nhập.

Tuy vậy, hướng nghiên cứu của đề tài là hoàn toàn mới bằng việc sử dụng mô hình hồi quy Binary logistic. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là cơ sở để các nghiên cứu tiếp theo cho các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh cũng như các làng nghề khác trên cả nước trong phát triển làng nghề với trọng tâm là phát triển các nghề truyền thống.